

**Bản so sánh, thuyết minh những điểm khác nhau giữa dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung
Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ
của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Thông tư số 13/2018/TT-NHNN**

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết xây dựng dự thảo Thông tư

1.1. Cơ sở pháp lý

- Điều 40 Luật Các TCTD quy định:

“1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
- c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.”

- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNg.

1.2. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Thông tư

- Một số nội dung quy định tại Thông tư 13 được dẫn chiếu đến quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh NHNg (Thông tư 41).

Thông tư 13 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019 (trừ quy định tại Chương V).

Thông tư 41 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020 (trừ trường hợp các NHTM, chi nhánh NHNg được NHNN chấp thuận cho áp dụng Thông tư 41 sớm hơn).

Như vậy, trong thời gian Thông tư 13 có hiệu lực thi hành mà Thông tư 41 chưa có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019), cần thiết sửa đổi, bổ sung các quy định dẫn chiếu liên quan đến Thông tư 41 để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý để các NHTM, chi nhánh NHNg xác định rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên số ngân hàng, 06 nhóm hoạt động kinh doanh, giao dịch tự doanh ... để thực hiện kiểm soát, quản lý rủi ro theo quy định tại Thông tư 13.

- Điểm a(iv) khoản 1 Điều 64 Thông tư 13 quy định: Tiêu chí xây dựng mức thù lao của Trưởng kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ phải tách biệt với kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của các đơn vị, bộ phận thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và tuyến bảo vệ thứ hai. Mục đích của quy định nêu trên nhằm đảm bảo tính độc lập và nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNg. Tuy nhiên, thu nhập của các thành viên thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ tại NHTM bao gồm cả lương, thù lao, lợi ích khác. Theo đó, với quy định tại điểm a(iv) khoản 1

Điều 64 Thông tư 13 chỉ quy định tiêu chí xây dựng mức thù lao của bộ phận kiểm toán nội bộ phải độc lập kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của các bộ phận thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất, tuyến bảo vệ thứ hai mà không bao gồm lương, lợi ích khác là chưa đạt được mục đích đề ra.

Khoản 2a Điều 45 Luật các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định BKS có quyền hạn: “*bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ*” thay vì Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện quyền này. Khoản 2a Điều 45 Luật các TCTD quy định BKS

Như vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a(iv) khoản 1 Điều 64 Thông tư 13 cho phù hợp.

- Từ các lý do nêu trên, cần thiết sửa đổi, bổ sung Thông tư 13 để đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý để các NHTM, chi nhánh NHNNg thực hiện Thông tư 13 khi có hiệu lực thi hành và đảm bảo tính độc lập của hoạt động kiểm toán nội bộ, phù hợp với quy định tại Luật các TCTD.

2. Mục đích, quan điểm và bộ cục của dự thảo Thông tư

2.1. Bộ cục của Thông tư

Thông tư gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018/TT-NHNN

- Điều 2: Tổ chức thực hiện

- Điều 3: Hiệu lực thi hành

2.2. Mục đích, quan điểm

Dự thảo Thông tư tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định tại Thông tư 13 có dẫn chiếu đến các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn đối với NHTM, chi nhánh NHNNg (điểm a khoản 13 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 41, khoản 3 Điều 42, điểm c khoản 2 Điều 47) và tiêu chí xác định mức thù lao của Trưởng kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ điểm a(iv) quy định tại điểm a(iv) khoản 1 Điều 64 Thông tư 13.

3. Bản so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư

STT	Thông tư 13/2018/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
1	Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 3 13. <i>Rủi ro trọng yếu</i> bao gồm: a) Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung;	13. <i>Rủi ro trọng yếu</i> bao gồm: a) Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung; b) Các rủi ro khác phát sinh từ hoạt động trọng yếu.	Việc sửa đổi, bổ sung đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý để các NHTM, chi nhánh NHNNg xác định: Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, giao dịch tự doanh, 06 nhóm hoạt động kinh doanh khi thực hiện quản lý rủi ro hoạt động theo quy định tại Thông tư 13.

	c) Các rủi ro khác phát sinh từ hoạt động trọng yếu.	
2	Bổ sung khoản 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 vào Điều 3 “23. Rủi ro tín dụng bao gồm: a) Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Trong đó, khách hàng là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ tín dụng, gửi tiền với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ các đối tác quy định tại điểm b Khoản này. b) Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này. 24. Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: a) Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ; c) Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Việc sửa đổi, bổ sung đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý để các NHTM, chi nhánh NHNN xác định: Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, giao dịch tự doanh, 06 nhóm hoạt động kinh doanh khi thực hiện quản lý rủi ro hoạt động theo quy định tại Thông tư 13.

		ngoài; d) Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 25. <i>Rủi ro lãi suất trên số ngân hàng</i> là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh do: a) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; b) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; c) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; d) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất. 26. <i>Rủi ro hoạt động</i> là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm: a) Rủi ro danh tiếng; b) Rủi ro chiến lược. 27. <i>Rủi ro danh tiếng</i> là rủi ro do khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư hoặc công chúng có phản ứng tiêu cực về uy tín của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 28. <i>Rủi ro chiến lược</i> là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoặc không có chiến lược, chính sách ứng phó kịp thời trước các thay đổi môi trường kinh doanh làm giảm khả năng đạt được chiến lược kinh doanh, mục tiêu lợi nhuận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 29. <i>Số kinh doanh</i> là danh mục ghi nhận các trạng thái của: a) Giao dịch tự doanh (trừ các giao dịch quy định tại điểm b khoản 30 Điều này); b) Giao dịch để thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành công cụ tài chính;
--	--	--

		c) Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro của các giao dịch tự doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; d) Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này. 30. <i>Số ngân hàng</i> là danh mục ghi nhận trạng thái của: a) Giao dịch repo, reverse repo; b) Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho các khoản mục của Bảng cân đối tài sản (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ các giao dịch đã phân loại vào Sổ kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm c khoản 29 Điều này; c) Giao dịch mua bán tài sản tài chính với mục đích dự trữ khả năng thanh khoản; d) Các giao dịch còn lại không thuộc sổ kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 31. <i>06 nhóm hoạt động kinh doanh</i> bao gồm hoạt động tạo thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự; hoạt động phát sinh chi phí lãi và các chi phí tương tự; hoạt động dịch vụ; hoạt động kinh doanh ngoại hối; hoạt động mua bán chứng khoán (kinh doanh, đầu tư); hoạt động khác. 32. <i>Giao dịch tự doanh</i> là giao dịch mua, bán, trao đổi do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty con của ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật với mục đích mua, bán, trao đổi trong thời hạn dưới một năm để thu lợi từ chênh lệch giá thị trường cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với các công cụ tài chính, gồm: a) Các công cụ tài chính trên thị trường tiền tệ; b) Các loại tiền tệ (bao gồm cả vàng); c) Chứng khoán trên thị trường vốn; d) Các sản phẩm phái sinh; đ) Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức. 33. <i>Giao dịch Repo</i> là giao dịch trong đó một bên bán và chuyển giao quyền sở hữu tài sản tài chính cho một bên khác, đồng thời cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu tài sản tài chính đó sau một thời gian xác định với một mức giá xác định. 34. <i>Giao dịch Reverse Repo</i> là giao dịch trong đó một bên mua và
--	--	---

3		nhận chuyển giao quyền sở hữu tài sản tài chính từ một bên khác, đồng thời cam kết sẽ bán lại và chuyển giao quyền sở hữu tài sản tài chính đó sau một thời gian xác định với một mức giá xác định, bao gồm cả giao dịch mua có kỳ hạn tài sản tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác. 35. <i>Khách hàng</i> là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ tín dụng, gửi tiền với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ các đối tác quy định tại khoản 36 Điều này. 36. <i>Đối tác</i> là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.	
3	Sửa đổi, bổ sung điểm a(iv) khoản 1 Điều 64 (iv) Tiêu chí xây dựng mức thù lao của Trưởng kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ phải tách biệt với kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của các đơn vị, bộ phận thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và tuyến bảo vệ thứ hai;	(iv) Tiêu chí xây dựng mức lương, lợi ích khác của Trưởng kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ phải tách biệt với kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của các đơn vị, bộ phận thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và tuyến bảo vệ thứ hai;	Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a (iv) khoản 1 Điều 64 Thông tư 13 để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2a Điều 45 Luật các TCTD và tính độc lập trong hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ của NHTM.
4	Bổ các đoạn	Bổ đoạn “theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại điểm d khoản 1 Điều 39, “theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại điểm a khoản 2 Điều 41, “theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 3 Điều 42 và “theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại điểm c khoản 2 Điều 47.	Quy định này để đảm bảo phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Dự thảo Thông tư.